

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 15 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi.

2. Ông Lê Văn Phú.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Ro S, sinh ngày 23/4/1998; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Ma R, sinh năm 1980 và không xác định được cha; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 21/3/2018, bị Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP đưa vào Cơ sở Điều trị - Cai nghiện ma túy tỉnh An Giang trong thời hạn 15 ngày để cắt con nghiện do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 01/7/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Em K, sinh ngày 01/4/2004; nơi cư trú: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của em K: Ông N, sinh năm 1966; nơi cư

trú: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Khoi Ro N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Chí Kh, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp ST, xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Dương Phan Nhật T, sinh năm 1997; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12/5/2020, Ro S từ nhà đi bộ đến tiệm game Ah Ri (thuộc ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang) để chơi game. Khi đến, Ro S thấy K (sinh ngày 01/4/2004) đang ngồi chơi game và để điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu đen trên bàn trước màn hình máy tính, nên Ro S nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện, Ro S lợi dụng lúc K tập trung chơi game lại gần tiếp cận nói chuyện với K, rồi dùng tay phải lấy điện thoại bỏ vào túi áo của mình cất giấu. Lấy điện thoại xong, Ro S tiếp tục ngồi vào bàn chơi game cạnh K khoảng 30 phút thì đi về nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 13/5/2020, Ro S thuê xe honda chở đến tiệm điện thoại của anh Nguyễn Chí Kh (thuộc ấp ST, xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang) bán điện thoại lấy trộm được của em K được 2.100.000 đồng và tiêu xài hết 100.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất điện thoại, K cùng gia đình đến Công an xã QT trình báo sự việc. Sau đó, lực lượng công an mời Ro S về làm việc, thì Ro S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền bán điện thoại còn lại 2.000.000 đồng cho cơ quan công an.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL-ĐGTSTTHS ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu đen (đã qua sử dụng) là 3.340.000 đồng.

Ngày 12/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Ro S về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS.AP ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Ro S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Ro S cho biết bị cáo có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt rành mạch nên không yêu cầu người phiên dịch. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành

vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của bị cáo Ro S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Ro S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được thu hồi và trao trả lại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác nên đề nghị không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Chí Kh đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị không xem xét.

Buộc bị cáo giao nộp lại số tiền 100.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại em K, người đại diện theo pháp luật của bị hại ông N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Chí

Kh, bà Khoi Ro N, người làm chứng ông Dương Phan Nhật T đều vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của họ. Xét việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của bị cáo Ro S tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 12/5/2020, khi đang chơi game tại tiệm game Ah Ri, bị cáo Ro S thấy K để điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu đen trên bàn trước màn hình máy tính, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc K sơ hở trong việc quản lý tài sản do tập trung chơi game, bị cáo dùng tay phải lấy điện thoại bỏ vào túi áo của mình cất giấu, tiếp tục ngồi chơi game khoảng 30 phút rồi đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ ngày 13/5/2020, bị cáo thuê xe Honda chở đến tiệm điện thoại của anh Nguyễn Chí Kh bán điện thoại lấy trộm được 2.100.000 đồng và tiêu xài hết 100.000 đồng. Sau đó, lực lượng công an mời bị cáo về làm việc, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền bán điện thoại còn lại 2.000.000 đồng cho cơ quan công an.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Ro S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 màu đen có giá trị 3.340.000 (ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng theo Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số

20/KL-ĐGTSTTHS ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân, bị cáo từng bị Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP đưa vào Cơ sở Điều trị - Cai nghiện ma túy tỉnh An Giang trong thời hạn 15 ngày để cắt cơn nghiện do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 21/3/2018. Tuy nhiên, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cho đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 12/5/2020) đã hơn 02 năm và bị cáo không tái phạm nên được xem là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Do đó, bị cáo được xem là chưa từng có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt:

Mặc dù mức hình phạt tù mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo cho biết bản thân bị cáo sống một mình, có mẹ nhưng không được mẹ quan tâm chăm sóc từ nhỏ, cha không xác định được. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đi làm thuê, nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên nơi bị cáo làm thuê ngừng hoạt động, do nhìn đói nhiều ngày nên khi thấy điện thoại di động của em K thì bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, với mục đích bán lấy tiền mua cơm ăn. Ngoài lần phạm tội này thì từ trước đến nay bị cáo không phạm tội nào khác. Bị hại em K cũng đã nhận lại tài sản và người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Việc bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/7/2020 cho đến nay cũng đã

đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cũng như chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người dân tộc thiểu số. Việc để bị cáo tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú đã trao trả vật chứng của vụ án cho bị hại em K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Chí Kh theo Quyết định xử lý vật chứng số 17 ngày 12/8/2020. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại em K và người đại diện theo pháp luật của em K là ông N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Chí Kh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo giao nộp số tiền 100.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước do đây là tiền bị cáo có được liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[12] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với ông Nguyễn Chí Kh có giao dịch, mua bán liên quan đến tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Xét thấy ông Kh không biết hay liên quan gì đến việc thực hiện tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú không đặt ra trách nhiệm hình sự đối với ông Kh là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Kh cũng cần rút kinh nghiệm trong việc giao dịch, mua bán về sau.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ro S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Ro S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án 15/9/2020 (*ngày mười lăm tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi*);

Trả tự do cho bị cáo Ro S ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Ro S cho Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Buộc bị cáo Ro S giao nộp số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc bị cáo Ro S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Ro S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại em K, người đại diện theo pháp luật của bị hại ông N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Khoi Ro N, ông Nguyễn Chí Kh là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại;
- Người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn